

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15/9/2022

V/v Tranh chấp ly hôn và yêu
cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Duy

2/ Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 109/8 tổ 13, đường số 8, khu phố 1, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 92/A1, tổ 8, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh H– Chức vụ: Chủ tịch UBND phường, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

2. Ông Tống Thanh H, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 92/A1, tổ 8, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh “nay là phường L, thành phố T” vào ngày 20/7/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống vợ chồng vì vậy trở nên căng thẳng, ngột ngạt, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông R xác định, từ sau khi sống ly thân thì ông và bà N chưa làm thủ tục ly hôn, cũng không có Tòa án nào gửi giấy triệu tập hay thông báo về việc bà N yêu cầu giải quyết ly hôn với Ông R. Bà Nguyễn Thị Kim N cũng không liên hệ với Ông R để yêu cầu Ông R giải quyết ly hôn với bà N. Đến ngày Ông R nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn thì có liên lạc với bà N và được bà N thông tin đã kết hôn với ông Tống Thanh H mặc dù chưa làm thủ tục ly hôn với Ông R. Vì vậy, Ông R nhận thấy việc kết hôn giữa bà N với ông Tống Thanh H là trái pháp luật. Ông R yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Tống Thanh H và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 29/8/2022 và ngày 15/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 29/8/2022 và ngày 15/9/2022 nhưng vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B trình bày: Công chức chuyên môn sau khi tiếp nhận hồ sơ đã căn cứ vào sổ xác nhận hộ tịch, sổ đăng ký kết hôn đang lưu giữ tại phường từ năm 2001 đến ngày 16/7/2007 không có thông tin của bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1984 trong sổ bộ hộ tịch, nên căn cứ vào hồ sơ yêu cầu, cam đoan của bà trong tờ khai đăng ký kết hôn và xác minh tại khu phố để tham mưu cho UBND phường và UBND phường thấy đủ điều kiện kết hôn nên đã tiến hành đăng ký và cấp giấy kết hôn cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tống Thanh H theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh H không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Nguyễn Văn R khởi kiện “Tranh chấp ly hôn và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” được quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn có địa chỉ tại Số 92/A1, tổ 8, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường B có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 29/8/2022 và ngày 15/9/2022 nhưng bà N và ông Hậu vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N: Ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, quận T “nay là thành phố T” Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/7/2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2004 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[4] Xét tính hợp pháp về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N với ông Tống Thanh H: Ngày 17/7/2007, Ủy ban nhân dân xã Bình An, huyện Dĩ An “nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An”, tỉnh Bình Dương đăng ký kết hôn cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tống Thanh H căn cứ trên giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đối với ông Tống Thanh H do UBND xã Tiên Thủy, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xác nhận và tờ khai đăng ký kết hôn của ông Tống Thanh H và bà Nguyễn Thị Kim N. Thời điểm bà N và ông Hậu đăng ký kết hôn thì hôn nhân hợp pháp giữa ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N vẫn tồn tại. Việc bà N đăng ký kết hôn với ông Hậu là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Văn R có đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, áp dụng Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn R.

[5] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N: Ông Nguyễn Văn R xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Cuộc sống hôn nhân quá ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông Nguyễn Văn R yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị Kim N đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà Nguyễn Thị Kim N

không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn R đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc bà Nguyễn Thị Kim N sau khi sống ly thân với Ông R đã kết hôn và chung sống với người khác cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Văn R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Nguyễn Văn R

[6] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N không có con chung.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn R phải chịu án phí ly hôn và án phí đối với yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 1 Điều 8; Điều 10, 11, 12, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tổng Thanh H; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 17/7/2007 do UBND xã Bình An, huyện Dĩ An “nay là phường Bình An, thành phố Dĩ An”, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tổng Thanh H.

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Tổng Thanh H phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N: Ông Nguyễn Văn R được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim N. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2004, do Ủy ban nhân dân phường Linh Xuân, quận Thủ Đức “nay là thành phố Thủ Đức”, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/7/2004).

3. Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Kim N không có con chung.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn R phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn R đã nộp theo biên lai số 0003597 ngày 17/3/2022 và biên lai số 0004110 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

7. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Linh Xuân, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM;
- UBND phường Bình An, Tp.Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng